

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 4 NĂM 2024

Kèm theo Quyết định số 261/QĐ-CDYT ngày 07/10/2024

Ngành 6720301 Cao đẳng Điều dưỡng liên thông
Tổng số: 17

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT UT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐTC
1	860	Đỗ Thị	Trang	24/11/1992	Nữ	1906		2010	18021	1	6.1	6.5	13.4
2	898	Đỗ Thị	Phượng	01/11/1993	Nữ	1908		2011	19014	2NT	6.0	5.6	12.1
3	895	Phạm Thị	Hiền	25/07/1989	Nữ	1908		2007	19015	2NT	6.8	6.4	13.7
4	894	Nguyễn Thị	Thu	15/07/1993	Nữ	1903		2011	19047	2NT	6.9	6.0	13.4
5	442	Nguyễn Thị	Hà	30/07/1980	Nữ	1901		2000	19014	2NT	6.4	7.0	13.9
6	886	Hoàng Thị Thuý	Hường	12/10/1995	Nữ	1908		2013	19030	2NT	5.7	7.4	13.6
7	872	Nguyễn Thị	Hiền	21/11/1981	Nữ	1908		1999	19014	2NT	6.7	6.7	13.9
8	857	Nguyễn Xuân	Quát	10/03/1982	Nam	1901		2001	19010	2NT	6.5	7.2	14.2
9	853	Nguyễn Thị	Thắm	17/10/1993	Nữ	1906		2012	19034	2NT	6.6	6.2	13.3
10	852	Nguyễn Thị	Thủy	15/03/1979	Nữ	1901		1998	19024	2NT	8.2	6.4	15.1
11	850	Nguyễn Thị	Ngọc	26/04/1986	Nữ	1901		2004	19013	2	5.3	6.4	12.0
12	800	Dương Thị	Vân	04/04/1988	Nữ	1908		2006	19015	2NT	6.2	7.5	14.2

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 10 năm 2024

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 4 NĂM 2024

Kèm theo Quyết định số 261/QĐ-CDYT ngày 07/10/2024

Ngành 6720201 Cao đẳng Dược
Tổng số: 32

STT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT UT	NTN	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐTC
1	906	Nguyễn Kim	Chi	28/05/2005	Nữ	1801		2023	18097	2NT	6.0	6.5	13.0
2	825	Đặng Văn	Trường	01/02/1984	Nam	1902		2002	19026	2NT	6.3	6.5	13.3
3	806	Đỗ Văn	Hùng	06/07/1996	Nam	1903		2014	19023	2NT	6.3	6.3	13.1
4	563	Nguyễn Thị	Nguyệt	04/10/2006	Nữ	1902		2024	19032	2NT	8.3	8.1	16.9
5	544	Nguyễn Thị	Thảo	30/01/1998	Nữ	1807		2016	19049	2NT	8.0	8.2	16.7
6	424	Nguyễn Thị	Thành	01/06/1997	Nữ	1905		2015	19036	2	6.1	6.2	12.6
7	336	Nguyễn Tiến	Chính	20/12/2004	Nam	1904		2022	19024	2NT	8.7	8.2	17.4
8	284	Đào Thị	Huệ	18/08/1989	Nữ	1904		2008	19024	2NT	5.8	6.2	12.5
9	35	Nguyễn Minh	Đức	21/09/2000	Nam	1901		2018	19025	2	8.7	6.5	15.5
10	919	Phạm Thị	Hiền	17/01/1994	Nữ	2108		2008	21034	2NT	5.6	7.1	13.2
11	914	Ngô Trọng	Khánh	27/01/1983	Nam	1806		2001	18045	1	7.4	5.5	13.7
12	910	Nguyễn Văn	Tuyền	02/10/1983	Nam	1906		2002	19021	2NT	6.6	7.3	14.4